TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 842/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29/12/2021.
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng V.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Huỳnh Văn B.
2/ Ông Lê Văn R.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 654/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 340/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/12/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1983. (có đơn xin vắng mặt)

Thường trú: đường Hùng Vương, tổ 18, khu phố 5, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG.

Địa chỉ: tổ 9, ấp Cây Thông Trong, xã CD, thành phố PQ, tỉnh KG.

Bị đơn: Ông Trần Hữu C, sinh năm 1977. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 2/1 đường NKC, tổ 5, ấp 2A, xã TTT, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn nội dung đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Bà và ông Trần Hữu C tìm hiểu nhau thời gian khoảng 06 tháng thì tiến tới hôn nhân, cưới nhau năm 2009, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn tại UBND xã TTT, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cưới hai vợ chồng sống ở 2/1 đường NKC, tổ 5, ấp 2A, xã TTT, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, đến đầu năm 2012 thì hai vợ chồng về thành phố PQ, tỉnh KG sống, đến cuối năm 2012 thì ông C tự ý bỏ về lại Củ Chi sống, từ đó cho đến nay hai vợ chồng không còn qua lại nữa. Bà nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắng nên nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Hữu C.

Về con chung: có một con chung tên Trần Nguyễn Nhật M, sinh ngày 22/6/2011. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng, bắt đầu thi hành ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung: không có.

Nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Theo nội dung bản tự khai và ý kiến của bị đơn ông Trần Hữu C trong quá trình giải quyết vụ kiện trình bày:

Hai bên tìn hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn năm 2008, sau khi kết hôn hai vợ chồng ở nhà thuê ở xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh cuộc sống bình thường tạm ổn. Năm 2013, khi cả hai quyết định về PQ để sinh sống và lập nghiệp thì bắt đầu nảy sinh suy nghĩ, quan điểm đối lập không thể hòa giải. Sau hơn 08 năm cả hai ly thân, nguyện vọng ly hôn.

Hai vợ chồng có 01 con chung tên Trần Nguyễn Nhật M, sinh ngày 22/6/2011. Theo nguyện vọng của vợ thì vợ sẽ nuôi con và tôi trợ cấp nuôi con 1.500.000 đồng/ tháng.

Cả hai không có tài sản chung, không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã TTT, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Nguyên đơn, bị đơn đã có bản tự khai rõ ràng và có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Trần Hữu C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã TTT, huyện Củ Chi cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02, ngày 16/01/2009 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà H xin ly hôn với ông C và ông C cũng đồng ý ly hôn với bà H. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng bà H, ông C đều muốn ly hôn để trả tự do cho nhau theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Nguyễn Nhật M, sinh ngày 22/6/2011. Xét yêu cầu của bà H và ghi nhận sự tự nguyện của ông C là giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; Bà H yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng, bắt đầu thi hành ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật; Ông C cũng đồng ý theo yêu cầu của bà H nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn, bị đơn cùng xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Cần buộc bà H phải nộp án phí

dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp; Ông C phải chịu án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Trần Hữu C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 02, ngày 16/01/2009 của Ủy ban nhân dân xã TTT, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà H và ông C không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Nguyễn Nhật M, sinh ngày 22/6/2011. Ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng, bắt đầu thi hành ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông C chưa thi hành cấp dưỡng số tiền trên, thì hàng tháng ông C còn phải trả cho bà H số tiền lãi do chậm thực hiện hiện nghĩa vụ trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu ông C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông C.

3. Về tài sản chung: không có.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0043239 ngày 03/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Án phí dân sự về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) ông C phải chịu.

Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã nới đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

Phan Hùng Vương